

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 7 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bé S, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn RG, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn RG, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé S trình bày:

Trước đây, ông và bà Nguyễn Thị Thu H có quen biết, sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Rạch Gòi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Bé T (nam), sinh ngày 07/4/2009, hiện đang chung sống với bà H. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Thanh cho bà H nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Bé S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Bé T (nam), sinh ngày 07/4/2009 cho bà H nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông S chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn Bé S và bà Nguyễn Thị Thu H do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà H, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông Nguyễn Văn Bé S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông S, bà H.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Nguyễn Văn Bé S và bà Nguyễn Thị Thu H tồn tại quan hệ hôn nhân hợp

pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa ông S và bà H phát sinh mâu thuẫn. Ông S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên ông S và bà Mai đã không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết, ông S xác định không còn tình cảm với bà H nên cương quyết ly hôn. Đối với bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và cũng không hòa giải đoàn tụ cho các bên đương sự. Đến thời điểm giải quyết vụ án các đương sự vẫn không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn và hiện ông S và bà H cũng đã ly thân. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông S được ly hôn với bà H.

[3.2] Xét yêu cầu giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông S và bà H có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn Bé T (nam), sinh ngày 07/4/2009, hiện tại đang sống chung với bà H. Do cháu Thanh hiện không có mặt tại địa phương nên chưa ghi nhận được nguyện vọng của cháu muốn sống chung với ai sau khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, cháu Thanh hiện đang sống chung với bà H và ông S cũng đồng ý giao cháu Thanh cho bà H nuôi dưỡng. Nhằm ổn định cuộc sống, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu Thanh nên giao cháu Thanh cho bà H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Do chưa ghi nhận được ý kiến của bà H về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ông S cũng không đồng ý cấp dưỡng nên ông S chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông S khai là không có, nhưng do chưa làm việc được với bà H nên chưa xác định được. Do đó, chưa xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Bé S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của ông S cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Bé S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Bé S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H. Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn Rạch Gòi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông S, bà H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Bé T (nam), sinh ngày 07/4/2009 cho bà Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn Bé S chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Bé S phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai số 0012454 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông S đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Rạch Gòi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên